

NGHỀ ĐAN CỦA NGƯỜI KHƠ-MÚ Ở TÂY BẮC

TRẦN BÌNH

Ở miền Tây Bắc Việt Nam, các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khme (như Xinh-mun, Khơ-mú, Mảng, Kháng...) nói chung đang ở trong tình trạng kém phát triển so với một số dân tộc láng giềng khác (như Thái, H'mông, Dao...). Đa số các dân tộc này gần đây mới định cư, hoặc bán định cư và họ vẫn du canh hoặc bán du canh. Với nền kinh tế còn phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, để có thể duy trì được cuộc sống thường ngày, ngoài việc canh tác nương rẫy, họ còn phải săn bắt, hái lượm các sản phẩm của thiên nhiên. Với sinh hoạt kinh tế lạc hậu, gần như tự túc, tự cấp trong mỗi gia đình, việc đan lát để tự tạo ra mọi đồ dùng là vô cùng quan trọng. Đối với người Khơ-mú, đan lát quả là một nhu cầu thiết yếu. Đa số phương tiện vận chuyển, đồ đựng lương thực, thực phẩm, quần áo... và cả đến quà tặng cho khách, cho đám cưới,... đều là sản phẩm đan lát. Trong một chừng mực nào đó, sản phẩm đan lát của người Khơ-mú còn được dùng làm vật để đổi lấy lương thực, quần áo, vải vóc... Đan lát quả đã trở thành một nghề thủ công gia đình truyền thống của người Khơ-mú.

I. NGUYÊN LIỆU

Người Khơ-mú thường cư trú theo các sườn núi có rừng bao phủ ở dọc biên giới Việt-Lào. Địa bàn này vốn rất giàu có các loại nguyên liệu cho nghề đan: Các loại tre, dăng, mây, nứa... Muốn có nguyên liệu, đồng bào chỉ việc vào rừng bao quanh thôn bản là có thể tùy ý lựa chọn để khai thác theo nhu cầu. Họ rất thành thạo trong việc phân biệt các loại nguyên liệu để sử dụng thích hợp vào việc chế tác các sản phẩm khác nhau.

a. Một vài nguyên liệu chính

- *Tờ rờ se*: Là loại tre nhỏ có tiết diện ngang thân cây 3-4 cm. Loại tre này thân

đặc, dóng dài, mềm, dẻo, không dễ gãy,... thường dùng để làm nan, đan các đồ dùng có mỹ thuật cao, kỹ thuật tinh xảo,... (như *ép mại, ta rờ đen*,...).

- *Choi*: Loại tre này thường dùng bằng cổ tay người lớn (5-6 cm). Tre có thân rắn chắc, kém dẻo... có thể dùng để làm nan, đan các đồ dùng lớn, thô nhưng chắc chắn.

- *Tờ nếch*: Đây là loại tre to được sử dụng nhiều hơn cả. Loại tre này có độ dẻo, cứng vừa phải, được dùng để đan phần lớn các đồ dùng trong gia đình như: bèm, guì, ép,... Đối với người Khơ-mú đây là loại tre thường được sử dụng nhiều nhất vì dễ khai thác, dễ chế biến và số lượng lại nhiều.

- *Hra hang*: Tre này còn to hơn cả *tờ nếch*. Do thân tre mỏng nên thường được dùng để đan phên hoặc đập dập làm sàn nhà.

b. Cách khai thác và chế biến

Việc khai thác nguyên liệu cho nghề đan ở đây thường diễn ra quanh năm, không có mùa vụ vì nguyên liệu sẵn, lại gần nhà... Tuy nhiên, với kinh nghiệm khai thác cũng không kém so với một số dân tộc khác (1). Họ thường khai thác nhiều vào khoảng từ tháng 9 cho đến cuối năm âm lịch. Đồng bào có quan niệm khai thác vào cuối tháng thì tre đỡ bị một. Khoảng thời gian nói trên cũng là giai đoạn nông nhàn.

Tre được đốn rồi phát sạch cành lá và chặt ra từng đoạn theo nhu cầu (2-3-4 giống), bó lại và vác về nhà. Tre được mang về, người ta pha ra ngay thành nan hoặc bán thành phẩm nan vì như vậy dễ làm, không hay bị

(1) Người Kinh ở Thái Bình có câu:

Tháng tám tre non làm nhà,

Tháng ba tre già làm lát

gậy, nãi bời tre còn tươi, dẻo. Có thể khai thác nhiều để sử dụng đan, cũng có thể khai thác đến đầu dùng đến đó.

Công cụ để chế biến nguyên liệu chủ yếu là dao ("véc"). Véc là loại dao to bản (5-6 cm) dài khoảng 50-60 cm (1). Loại dao này người Khơ-mú không rèn được mà chủ yếu là mua hoặc đổi của người H'mông.

Cách chế biến nan chủ yếu là: Pha tre thành từng mảnh, bỏ hết mảnh có đầu mắt. Những mảnh còn lại pha thành từng thanh có bề rộng đều nhau tùy theo yêu cầu của sản phẩm. Pha xong thì chẻ thành nan. Không phải chẻ nghiêng (để lấy cả cật lẫn bụng tre) mà là chẻ lệt, lấy nan cật, nan tiếp theo (tùy đồ đan) và bỏ phần bụng. Việc làm nan là công việc của đàn ông.

Nan được chẻ xong có thể được vót qua (bằng dao hoặc dụng cụ tre) cho nhẵn, sau đó được bó lại và đem ngâm cho dẻo lại.

c. Các loại nan

- Nan dùng để đan tấm trải sàn nhà (*tung ai*) và đan cót thường được pha từ loại tre gọi là "choi". Nan loại này chỉ lấy một nan cật, chiều rộng khoảng 0,8-1,5 cm; còn chiều dài tùy ý vì người ta đan nối tiếp như cách đan cót của người Kinh.

- Nan đan các loại tấm phơi giống như nan đan cót, "tung ai" nhưng ngắn hơn.

- Nan đan các loại đồ đựng nhỏ: *Bem*, *ép*, *bung*... Loại nan này chỉ mỏng bằng 1/2 - 1/3 loại nan đan "tung ai" (khoảng 0,2-0,5 cm). Nan loại này được lấy từ "tờ rờ se". Bà con thường chọn cây có dóng dài, tránh lấy mắt sẽ khó đan và không đẹp. Nan loại này được vót, tuốt tỷ mỹ cho nhẵn bóng và đều. - Nan dùng để đan các loại hàng tinh xảo nhất như "ép mah", "ta rờ đen"... chỉ có thể được lấy từ "tờ rờ se". Loại nan này chỉ nhỏ như chiếc tấm và rất đều, nhẵn.

Để tạo màu sắc đẹp cho sản phẩm, bà con có thể giữ nguyên vỏ tre xanh đan lẫn với nan có màu trắng (thường là nan giữa). Cũng có người nhuộm nan. Nhưng thông dụng nhất là hong nan trên gác bếp để hun khói cho

vàng và nâu óng; làm như vậy sẽ có được loại nan rất đẹp, tự nhiên, lại thêm bền và còn chống được mọt.

Những bộ phận của sản phẩm như: tay xách, quai, tai, cặp... cần phải bền và có độ mềm thích hợp, bà con Khơ-mú sử dụng mây (báoong). Mây là loại hiếm nên thường được khai thác và dự trữ trên gác bếp, khi nào dùng thì ngâm nước cho dẻo rồi chẻ thành nan.

II. KỸ THUẬT ĐAN TRUYỀN THỐNG

So với các dân tộc láng giềng, người Khơ-mú rõ ràng vượt rất xa các dân tộc khác về kỹ thuật đan lát. Điều này biểu hiện ở kỹ thuật đan, loại hình sản phẩm phong phú... Đáng chú ý là kỹ thuật đan lát cho đến ngày nay vẫn ít bị lai tạp, mai một.

Người Khơ-mú có rất nhiều cách đan, có những cách cũng giống như các dân tộc khác (lóng mốt, lóng đôi...) nhưng cũng có những cách đan chỉ người Khơ-mú mới có, như kiểu đan "ta-le-ho". Nan đan kiểu taleho được chẻ mỏng, bản to, có độ dài bằng nhau. Người ta đặt 3 chiếc nan chéo nhau thành 6 góc, mỗi góc 60° (phần chõng lên nhau ở chính giữa mỗi nan). Sau đó đan tiếp theo từng cạnh song song, tạo ra các hình lục giác đều. Tiếp đó là đan theo hình vòng tròn và tạo ra những tiết diện tròn sau. Khi xén bằng nan là lúc đã đan xong và chuẩn bị làm cặp. Đây là kiểu đan sử dụng để đan mâm, ép.

Đan các loại dụng cụ để phơi lúa, ngô,... như nong, nia, phen, cót, tấm trải nhà... đồng bào thường đan kiểu lóng mốt. Riêng phần cặp được buộc bằng mây theo kiểu chữ V chạy dọc thân cặp (khác với người Kinh là buộc nút ở cặp hình tròn, cách đoạn).

Các loại ép, bung, gùi, bem... đồng bào đan kiểu lóng đôi, tạo hoa văn hình xương cá dọc theo thân của sản phẩm.

Kiểu lóng ba (tiếng Thái gọi là *khâm sam*), đồng bào hay dùng để đan phần tiếp giáp giữa

(1) Loại dao này người Kinh gọi là *dao l* ha.

đáy và thân của *ép mah* nhằm tạo ra những hoa văn nằm ngang hình xương cá.

Kiểu đan "*lay ăm*" (cát 2 đê 5). Kiểu đan này đồng bào sử dụng thêm một nan kép ba cho có hoa văn hình quả trám to để đan phần giữa của thân "*ép mah*" và "*ta rờ đen*".

III. CÁC LOẠI SẢN PHẨM

Sản phẩm đan lát của đồng bào Khơ-mú rất phong phú, nó có mặt trong mọi sinh hoạt thường ngày ở thôn bản. Để tiện cho việc điếm qua các sản phẩm đan lát của đồng bào, chúng tôi sẽ trình bày theo phân loại chức năng sử dụng của chúng.

a. Sản phẩm dùng trong vận chuyển

Sản phẩm dùng trong vận chuyển có thể gồm 3 loại chính:

1. *Gùi (êng)*. Gùi là vật dùng trong vận chuyển mang vác của nhiều dân tộc ở miền núi. Tuy vậy, mỗi dân tộc có một kiểu gùi riêng, một cách mang vác riêng. Gùi của người Khơ-mú không giống gùi của người H'mông, một dân tộc sống rất gần gũi với họ. Trái lại, gùi Khơ-mú rất giống với gùi của một số dân tộc thuộc nhóm Môn-Khmer sinh sống ở Tây Nguyên (Ba-na, Mạ...). Đó là loại gùi có đáy vuông, miệng loe giống hình phễu và chỉ có một quai, khi mang đeo qua trán. Gùi cao khoảng 50 - 60 cm, đáy có hình vuông, mỗi cạnh rộng chừng 25-30 cm. Phần thân vuông (từ đáy gùi lên thường chiếm 1/3 toàn thân gùi). Khác với một số dân tộc ở Tây Nguyên, đáy gùi làm bằng gỗ, người Khơ-mú đan đáy gùi bằng tre theo kiểu lồng mốt. Khác với phần đáy, phần thân gùi được đan lồng đôi để tạo ra những hoa văn quả trám.

Quai gùi được tạo bằng vật liệu dẻo, dai nhưng lại mềm để tránh gây ra cảm giác đau nhức khi mang vác. Đồng bào thường dùng da hoặc mây làm quai. Quai thường dài 40-50 cm, có chiều rộng khoảng 5 cm. Trong mang vác, quai để hở hông nên bà con thường chuẩn bị sẵn để trên gác bếp khi nào cần là có.

So với các sản phẩm khác, gùi là sản phẩm ít bị lai tạp về kỹ thuật đan, kiểu dáng. Hầu như nó còn giữ được nguyên vẹn những yếu tố truyền thống từ ngàn xưa của cộng đồng họ.

2. "*Mbung*" (tiếng Xinh-mun: bung). "*Mbung*" là đồ đựng dùng trong một cách vận chuyển là gánh. Đây là cách vận chuyển phổ biến ở người Khơ-mú, Xinh-mun. Người Khơ-mú thường rất ít gánh mà chỉ "*bu*" - tức là vận chuyển bằng gùi. Bởi vậy, với họ "*mbung*" lại thường trở thành đồ đựng ngô, lúa... trong nhà. "*Mbung*" có đáy vuông, thân cao khoảng 30-35 cm. Thân có nẹp chéo bằng tre chắc. Thân *mbung* khum khum như hình trái hồng, miệng tròn và được thu nhỏ lại so với phần thân. Đường kính của miệng = 30 cm. Hai bên sườn (gần miệng), người ta làm 2 quai bằng mây rất chắc, để khi dùng, người ta lồng đòn vào để khiêng, gánh...

3. *Ép* (người Xinh-mun gọi là *hiếp*). *Ép* thường có 2 loại: to dùng để đựng ngô, lúa, rau, quả khi đi nương; loại nhỏ phụ nữ hay mang theo khi đi chợ.

Hình dáng của *ép* khá đẹp - nó giống như chiếc túi đáy rộng và dẹt, miệng hơi thu lại, thân *ép* có hình thang cân, miệng *ép* có hình bầu dục. Kích thước của *ép* thường là: Loại to 50 cm (cao) x 60 cm (rộng). Loại nhỏ 25 cm (cao) x 30 cm (rộng). Quai *ép* thường có cấu tạo giống như quai gùi, nhưng nhỏ hơn và đẹp hơn. Loại *ép* nhỏ, người Khơ-mú gọi là "*kniếp*", thường là tặng vật của nam thanh niên với người bạn gái của mình. Khi đan *kniếp*, người con trai Khơ-mú thường bỏ ra rất nhiều công phu để tạo ra nhiều hoa văn cổ truyền, nan đan được nhuộm màu (vàng, xanh hoặc đỏ). Loại *ép* này, người ta hay làm quai bằng vải đỏ được may rất công phu.

b. Sản phẩm dùng thường ngày trong sinh hoạt gia đình.

1. *Bem*: Đây là sản phẩm đan mà người Khơ-mú quý nhất. *Bem* gồm 2 bộ phận: thân và nắp. Thân *bem* là một hộp hình đa giác cao chừng 40-45 cm. Đáy hình chữ nhật có chiều dài khoảng 30 cm rộng 15 cm. Đáy *bem*

được nẹp chéo và xung quanh bằng tre cứng. Thân bèm được đan loe dần đến độ cao chừng 30 cm thì lại được đan thu nhỏ lại. Tới miệng bèm thì thân có hình bầu dục có kích thước ngang, dọc (nơi rộng nhất) vào khoảng 50 cm x 40 cm. Hai bên sườn bèm, người ta làm quai mây để xách khi vận chuyển. Nắp là khối hình đa giác, đáy trên có hình chữ nhật (30 cm x 15 cm). Đáy có dáng võng như hình thuyền, hình yên ngựa.

Bèm của người Khơ-mú có loại đan bằng nan để mộc, loại cầu kỳ thì đan bằng nan nhuộm màu, tạo hoa văn hình quả trám. Bèm là loại sản phẩm khó đan, đòi hỏi kỹ thuật cao, cho nên thường thì loại này do các cụ già có nhiều kinh nghiệm đan.

Bèm mới đan thường được để trên gác bếp hun khói chống mốc. Bèm có thể để dùng hoặc mang trao đổi. Công dụng của bèm như là rương, hòm cá nhân và cũng có thể như chiếc va ly. Bèm ngày nay có nơi đã hiếm dần vì bà con dùng hòm gỗ.

2. *Ép mah* (tiếng Xinh-mun là *ép pá*). Đây chính là chiếc giỏ đựng cơm khi đi nương. (Người Thái gọi là “*cón khầu*”). Ép mah đựng cơm nếp đi nương giữ được nóng lâu, mà lại không bị hấp hơi. Cơm nếp được nắm cho nhuyễn rồi ấn từng ít một vào trong ép mah. Ép mah gồm 2 bộ phận: thân và nắp. Đây chính là 2 nửa hình trụ rỗng bằng tre có thể nắp khít vào nhau. Thân ép mah được đan kép. Người Khơ-mú có nhiều kiểu đan ép mah khác nhau. Thường phần giáp đáy và giáp miệng ép mah được đan tạo hoa văn hình xương cá. Phần giữa còn lại là khoảng hoa văn hình quả trám. Ép mah thường không nhuộm màu mà để mộc rồi gác lên rãnh bếp cho vàng và chống mốc. Ép được dùng hàng ngày trong gia đình và cũng được dùng để trao đổi, mua bán.

3. *Ta rờ đen*. Đây chính là chiếc hộp được đan bằng tre dùng để đựng đồ trang sức, kim chỉ... của phụ nữ. Kiểu cách đan thường như đan ép mah, chỉ có điều, đáy của ta rờ đen là hình bầu dục, kích thước nơi rộng nhất vào khoảng 18 cm x 7 cm. Thân ta rờ đen cao

khoảng 12-15 cm. Nan của ta rờ đen thường được vót nhọn, nhỏ hơn nan của ép mah. Với người Khơ-mú, ta rờ đen chủ yếu dùng để tặng người bạn đời sắp cưới của các chàng trai. Sản phẩm này không được bán và trao đổi.

4. *Sarè* (Tiếng Xinh-mun là *chè đo*). Sản phẩm này có hình dáng tương tự cái “bung”. Công dụng như chiếc rổ của người Kinh. Khác với bung, sarè được đan thoáng, thưa để khi rửa rau để thoát nước và các bụi bẩn bám vào rau.

5. *Các loại đồ phơi, đựng lương thực khác:*

- Phên phơi (*miên*). Người Xinh-mun gọi là loại này là “*tạt biên*”. Cũng loại phên này, có người Khơ-mú dùng làm tấm trải bày đồ cúng và được cất giữ rất cẩn thận.

- Sàng (*t'r'-rưa-rờ*), mẹt (*um-pè-a-rờ*), nia (*chưng-ư-rờ*)... những loại sản phẩm này có hình tròn, giống đồ dùng của người Kinh. Chúng chỉ khác là cặp được buộc bằng mây theo kiểu dích dắc hình chữ V.

- Ngoài những sản phẩm trên, người Khơ-mú còn đan bồ (*khờ rẹ*) để chứa thóc, ngô trong nhà, giỏ đựng đồ vật (kim chỉ, thuốc men...) mà họ gọi là *kh'róong*.

6. *Các loại quạt:*

- Quạt lúa (*prò nơi*) người Xinh-mun gọi là *plá*. Quạt có hình tròn, đường kính từ 40-50 cm, đan nóng mốt bằng nan mỏng. Quạt có tay cầm và xung quanh-cạp có viền bằng mây.

- Quạt bép. Điều đáng chú ý nhất, đây là sản phẩm do phụ nữ tạo ra. Phụ nữ Khơ-mú đan loại quạt này để tặng mẹ chồng và để dùng trong việc bép núc. Loại quạt này thường nhỏ và nan được nhuộm màu đan lồng mốt (1).

7. *Tấm trải sàn nhà (tưng ai)*. Người Xinh-mun gọi loại này là “*sát*”. Sản phẩm có công dụng như chiếu ngủ của người Kinh. Nó được đan bằng nan, chế phẩm từ “*choi*”. Kích

(1) Người Kinh có câu: “*Khèo đan lồng mốt, đốt đan lồng đời*”. Đan lồng mốt đời hỏi làm nan cầu kỳ, nếu không thì khi đan dễ bị gãy và không kín.

thước của “tung ai” tùy ý người đan và sử dụng. “Tung ai” được đan lỏng dôi, sau đó gác trên sàn bếp trước khi dùng. Thường mỗi gia đình cũng phải có tới dăm bảy tấm. Sản phẩm cũng ít được trao đổi, mua bán.

8. *Á đồng* (rá dụng thức ăn). Cũng như quạt bếp, rá là sản phẩm đan của phụ nữ Khơ-mú. Hình dáng của sản phẩm cũng giống của người Kinh nhưng không có cạp. Rá cũng là đồ gia dụng mà phụ nữ thường để tặng mẹ chồng.

9. *Mâm mây* (*phươn-đơn-bloong*). Đây là sản phẩm đan lát đặc trưng của người Khơ-mú: Các tộc láng giềng như Xinh-mun, Thái, Kháng... thường mua và dùng mâm của người Khơ-mú.

Mâm được đan hoàn toàn bằng mây và tre, gồm 2 bộ phận chính. Mặt mâm hình tròn, đan bằng tre theo kiểu “ta le ho”. Vành ngoài cùng của mặt mâm được tạo bằng những sợi mây cuốn lại theo hình sóng. Vành này rộng chừng 10-15 cm. Thân mâm là một hình trụ có chiều cao khoảng 15 cm. Nếu mặt mâm có đường kính khoảng 70cm, thì thân mâm có đường kính 45cm. Thân đan bằng tre, hình mắt cáo, thưa thoáng và mềm mại. Vành đáy thân mâm được làm bằng tre, vót nhọn và vững chắc.

Mâm mây là sản phẩm thể hiện rõ nhất về qui định chặt chẽ trong kỹ thuật đan truyền thống của người Khơ-mú. Mặt mâm dứt khoát chỉ có một kiểu đan duy nhất là “ta le hon” - Kiểu đan khó nhất theo cách hiểu của đồng bào. Mâm mây cũng ít người biết đan, thường chỉ có các cụ già và người có tay nghề cao. Bởi thế, mâm mây là sản phẩm được đắt giá nhất.

10. *Ghế mây* (*xêng-đơn-bloong*). Ghế mây của người Khơ-mú thường có hình như chóp cụt, đáy rộng và bịt kín trên mặt bằng mây đan lỏng mốt. Mặt ghế có đường kính khoảng 25-35 cm. Ở mặt và đáy ghế là 2 vòng tròn cứng, dẻo được sử dụng bằng cả đoạn thân song để nguyên khối và được cuộn tròn lại, khớp mối rất kín. Đáy và mặt ghế được khớp

lại với nhau bằng những mảnh tre già, cao khoảng 20-25 cm. Những mảnh tre này được nấp vào đáy và mặt ghế theo kiểu khớp mộng (đục lỗ) và bố trí hình chữ nhân. Ghế của người Khơ-mú đơn giản, đẹp và ngồi rất êm. Ghế làm ra để dùng hoặc để bán, tặng.

11. *Sản phẩm đan lát dùng trong hoạt động kinh tế phụ*. Dụng cụ đánh bắt cá: gồm có đó (sày) để đơm bắt cá ở nơi nước sâu. Khi xúc tôm, cá, cua, ốc ở ven bờ có nước cạn, người ta dùng “mloi”, cấu tạo cũng giống như sày (như chiếc giỏ của người Kinh, miệng to, có hom dít nhọn). Các dụng cụ đánh bắt cá thường được bà con đan lỏng mốt, thưa thoáng bằng tre chắc và dẻo.

Ngoài các công cụ đánh bắt cá, tôm... họ còn đan các loại bẫy chim (*vấp*) và lồng chim (*tum mu*)...

IV. TRAO ĐỔI SẢN PHẨM

Sản phẩm đan của người Khơ-mú được các tộc láng giềng rất ưa thích, ngay cả người Kinh ở Hải Hưng, Thái Bình lên Tây Bắc sinh sống cũng mến chuộng. Phương thức trao đổi thường là vật đổi vật. Đến nay đã có nơi mua bán bằng tiền mặt, nhưng vẫn còn ít.

Người Khơ-mú thường mang ếp, bung, mâm, bêm v.v... ra trao đổi, nhưng riêng có gùi thì cấm không mang trao đổi với người ngoài tộc. Theo chúng tôi, có lẽ người Thái, Xinh-mun thì quen gánh bằng “bung”. Còn người H'mông cũng đan gùi (*lù cở*), nhưng là loại gùi có 2 quai đeo vào vai... cho nên người Khơ-mú không bán, trao đổi được chăng? Hoặc chẳng cấm không bán ra ngoài là để dễ nhận ra người đồng tộc của mình khi mang gùi?

Đồ đan của người Khơ-mú được đổi lấy vật gì họ thích và thiếu; cũng có khi đổi lấy ngày công lao động của người khác trong nội tộc. Ví dụ:

1 ếp mah đổi lấy 2 ngày công lao động; 1 bêm đổi lấy 3 ngày công; 1 mâm đổi lấy 5 ngày công; 1 ghế đổi lấy 2 ngày công...

Đối với người ngoài tộc, đồ đan của người Khơ-mú thường đổi lấy sản vật như: bông, vải, gạo... của người Thái, lợn, gà... của người H'mông...

Giá cả đổi chác thường không có qui định nào, tùy thuộc vào đôi bên. Các dân tộc khác thường mang hàng đến tận nhà người Khơ-mú để đổi lấy sản phẩm đan lát. Đồng bào không mang sản phẩm của mình đi đổi, bán. Họ có ấn tượng về mua bán là xấu, một quan niệm giản đơn, chất phác.

V. TỔ CHỨC VÀ PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG

Đan lát chủ yếu do nam giới đảm nhiệm (cũng giống như các dân tộc khác). Nếu may vá, bếp núc, là công việc của phụ nữ thì đan lát là công việc của đàn ông. Đó là sự phân công lao động tự nhiên. Người đàn ông Khơ-mú càng cao tuổi thì kinh nghiệm và kỹ thuật đan càng giỏi. Thường thì thanh niên tham gia khâu chuẩn bị nguyên liệu nhiều hơn là đan. Các cụ già thì đan là chính. Ở người Khơ-mú, đan lát giỏi được xem như một tiêu chuẩn để đánh giá về đạo đức của người đàn ông.

Mặc dù vậy, đến nay nghề đan lát của người Khơ-mú vẫn chưa phát triển thành một nghề với đầy đủ ý nghĩa của nó, mà vẫn chỉ là nghề phụ trong mỗi gia đình. Hiện nay, nó vẫn chỉ tồn tại với ý nghĩa phục vụ cho sinh hoạt thường ngày của gia đình mà thôi. Chính vì vậy, đan lát chỉ diễn ra vào lúc nông nhàn, không bận mùa vụ, không có tổ chức mà là lao động tự giác, tự nhiên.

Việc học và truyền lại kỹ thuật đan lát ở đây cũng hoàn toàn mang tính tự phát. Tuy nhiên, cũng có những thanh niên không biết đan lát...

VI. MỘT VÀI NHẬN XÉT BAN ĐẦU

Điều trước tiên có thể thấy là so với các tộc láng giềng, người Khơ-mú có truyền thống đan lát và họ đan giỏi hơn. Nếu người Thái dệt các loại vải, thổ cẩm giỏi, thì người Khơ-mú đan lát giỏi... Đan lát đã làm cho họ

để được phân biệt với các dân tộc khác. Vì lẽ đó cho nên, nếu dệt là một tiêu chí để đánh giá sự giỏi giang của phụ nữ Thái thì đan là tiêu chuẩn để đánh giá sự tốt đẹp, giỏi giang của đàn ông Khơ-mú. Và để tặng, biếu nhau những kỷ vật, người Thái dùng vải, thổ cẩm, túi, gối, chăn, đệm... thì người Khơ-mú dùng đồ đan lát. Đồ đan được coi như một sản vật quý để biểu hiện tình cảm của người Khơ-mú.

Trong đám cưới của người Thái, cô dâu phải mang vải, chăn, đệm, gối... làm của hồi môn về nhà chồng để tặng cho bố mẹ chồng, anh em, bà con bên nhà chồng, thì trong đám cưới của người Khơ-mú, chú rể phải tự mình đan cho cô dâu một hộp đựng đồ trang sức (*ta rờ đen*), và khi dẫn cưới, phải bỏ vào đó 2 đồng bạc trắng cùng trầu cau các loại... Kỷ vật này, cô dâu sẽ giữ suốt đời, không bao giờ đem cho hay bán...

Chúng ta thấy sản phẩm đan lát của người Khơ-mú có mặt trong mọi sinh hoạt kinh tế cũng như đời sống hàng ngày của đồng bào. Đồ đan dùng để vận chuyển, mang vác, để làm chiếu, làm tấm trải để cúng ma nhà, dùng để ngồi, để làm mâm, bắt cá, bẫy chim, đựng cơm, đựng đồ trang sức quý... Đồ đan theo bên cạnh người Khơ-mú cả lúc ở nhà, đi làm nương, đi chợ và hội hè... Đồ đan luôn ở bên cạnh để phục vụ người Khơ-mú trong lúc lao động, vui chơi, cầu cúng... cho cả đến khi đi ngủ... Trong điều kiện của một nền kinh tế còn lạc hậu, hầu như tự cấp, tự túc, đan lát quả là một hoạt động kinh tế phụ, hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động kinh tế khác, cũng như sinh hoạt hàng ngày của đồng bào. Tuy vậy, đến nay nó vẫn chỉ tồn tại với tư cách là một hoạt động kinh tế phụ trong mỗi gia đình.

Cùng với các đặc trưng khác, nghề đan lát truyền thống ở đây có thể xem như một đặc trưng văn hóa mang rất đậm bản sắc của dân tộc Khơ-mú.

Rất hy vọng chúng tôi sẽ có dịp trở lại vấn đề này.